

Số: 21 /2013/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đề tài,
dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Liên Bộ Tài chính – Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 329/ TTLS/STC-SKHCN ngày 11 tháng 4 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 và Quyết định số 76/2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Ug*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư Pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Thông tin điện tử
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTN, TH, VXDL. Việt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Tiên Phương
Lê Tiên Phương

Phụ lục
MỨC CHI PHÂN BỐ NGÂN SÁCH THỰC HIỆN CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2013/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

I. Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài cấp tỉnh, cấp Trung ương.	Đề tài cấp huyện, ngành (cấp cơ sở)
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.			
a	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố	Đề tài, dự án	1.500	750
b	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án (xác định nội dung cụ thể của đề tài dự án hoặc danh mục các đề tài dự kiến sẽ triển khai)			
	- Chủ tịch Hội đồng.	Ngày	300	210
	- Thành viên, thư ký khoa học.	Ngày	200	140
	- Thư ký hành chính.	Ngày	150	105
	- Đại biểu được mời tham dự.	Ngày	70	50
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì			
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện			
	- Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng ký.	01 Hồ sơ	450	315
	- Nhiệm vụ có từ 04 đến 06 hồ sơ đăng ký.	01 Hồ sơ	400	280
	- Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên.	01 Hồ sơ	360	250
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng			
	- Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	300	210
	- Nhiệm vụ có từ 04 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	270	190
	- Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	250	175
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án (Xét nội dung cụ thể của từng đề tài, dự án và tuyển chọn, xét chọn cá nhân chủ trì)			
	- Chủ tịch Hội đồng	Đề tài, dự án	300	210
	- Thành viên, thư ký khoa học	Đề tài, dự án	200	140
	- Thư ký hành chính	Đề tài, dự án	150	105



	- Đại biểu được mời tham dự	Đề tài, dự án	70	50
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án			
	- Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài, dự án	250	125
	- Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài, dự án	200	100
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN			
a	Nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện.	Đề tài, dự án	1.000	700
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đề tài, dự án	600	420
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài, dự án).	Báo cáo	1.000	700
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)			
	- Tổ trưởng	Đề tài, dự án	250	125
	- Thành viên (Thành viên là ủy viên hội đồng tư vấn thì ngoài mức chi của ủy viên còn được hưởng thêm mức chi này)	Đề tài, dự án	200	100
	- Đại biểu được mời tham dự	Đề tài, dự án	70	35
d	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức			
	- Chủ tịch Hội đồng	Đề tài, dự án	400	280
	- Thành viên, thư ký khoa học	Đề tài, dự án	300	210
	- Thư ký hành chính	Đề tài, dự án	150	105
	- Đại biểu được mời tham dự	Đề tài, dự án	70	50

II. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài cấp tỉnh, cấp Trung ương.	Đề tài cấp huyện, ngành (cấp cơ sở)
1	Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt	Đề tài, dự án	2.000	1.000
2	Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình khoa học công nghệ và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)			
	- Chuyên đề loại 1	Chuyên đề	10.000	5.000
	- Chuyên đề loại 2	Chuyên đề	30.000	15.000
3	Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn			
	- Chuyên đề loại 1	Chuyên đề	8.000	4.000
	- Chuyên đề loại 2	Chuyên đề	12.000	6.000
4	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án	Báo cáo	3.000	1.500
5	Lập mẫu phiếu điều tra: - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXX và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	500 500 1.000	250 250 500
6	Cung cấp thông tin: - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXX và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu	50 50 70	50 50 70
7	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra	Đề tài, dự án	4.000	2.000
8	Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	Đề tài, dự án	12.000	6.000
9	Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ).			
a	Nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện.	Đề tài, dự án	800	400
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng.	Đề tài, dự án	500	250

b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án).	Báo cáo	800	400
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp		
	- Tổ trưởng		200	100
	- Thành viên		150	75
	- Đại biểu được mời tham dự		70	35
d	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu (nghiệm thu nội bộ)	Buổi họp		
	- Chủ tịch Hội đồng		200	100
	- Thành viên, thư ký khoa học		150	75
	- Thư ký hành chính		100	50
	- Đại biểu được mời tham dự		70	35
10	Hội thảo khoa học	Buổi hội thảo		
	- Người chủ trì		200	100
	- Thư ký hội thảo		100	50
	- Báo cáo tham luận theo đặt hàng		500	250
	- Đại biểu được mời tham dự		70	35
11	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án.	Tháng	1.000	500
12	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho Thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).	Năm	15.000	7.500